

Bản án số: 814/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy
2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Kim N, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: Số 688/73 HL2, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Ngô Viết H, sinh năm: 1980

Hộ khẩu thường trú: 436A/4 đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lưu Kim N trình bày: Bà và ông Ngô Viết H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2009, ngày 20/7/2009.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống không hòa hợp. Bà đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Từ năm 2016, bà và ông H đã sống ly thân và từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bản thân bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà N khai giữa bà ông H chung sống có hai con chung tên Ngô Tấn A, sinh ngày 10/10/2010 và Ngô Thùy P, sinh ngày 04/4/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà sẽ tự thỏa thuận với ông H về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có.

- Nguyên đơn – Bà Lưu Kim N có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn - Ông Ngô Viết H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cũng như quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà N và ông H là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn ông Ngô Viết H có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

- Ông Ngô Viết H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt ông H.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn: Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà N và ông H mỗi người sống một nơi cho thấy mục đích hôn nhân của bà N và ông H không đạt được. Bản thân bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng, giữa bà N và ông H không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà N khai hai con chung tên Ngô Tấn A, sinh ngày 10/10/2010 và Ngô Thùy P, sinh ngày 04/4/2012. Trong quá trình tiến hành tố tụng, ông H không có mặt và không có ý kiến về việc yêu cầu xin nuôi con của bà N. Trẻ Tấn A và Thùy P đang sống với mẹ, trẻ Tấn A có nguyện vọng được ở với mẹ, để ổn định cuộc sống cho trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Tấn A. Bà N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Kim N

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Kim N được ly hôn với ông Ngô Viết H.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Ngô Tấn A, sinh ngày 10/10/2010 và Ngô Thùy P, sinh ngày 04/4/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ngô Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Các đương sự Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà N chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016053 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan